54045 FIȘA DE DATE TEHNICE





INCLUDE

	1/2″	x14	13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 27, 30, 32mm
	3/8″	x10	10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19mm
	1/4″	x13	4, 4.5, 5, 5.5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14mm
	1/2″	x5	16, 17, 18, 19, 22mm
	3/8″	x6	10, 11, 12, 13, 14, 15mm
	1/4″	х7	4, 5, 6, 7, 8, 9, 10mm
	1/2″	xЗ	E20, E22, E24
	3/8″	x6	E10, E11, E12, E14, E16, E18
	1/4″	x5	E4, E5, E6, E7, E8
	$\overline{\mathbf{n}}$	xЗ	1/2" - 3/8" - 1/4"
A	1/2″	x2	125, 250mm
	3/8″	x1	125mm
	1/4″	x2	50, 100mm
e P		xЗ	1/2" - 3/8" - 1/4"
	1/2″	x1	adaptor 3/8" (H) - 1/2" (M)

5	1/2″	x1	8mm
E O	3/8″	x1	8mm
9	1/4″	x1	6mm
an	1/2″	x2	16, 21mm
	3/8″	x1	18mm
20	1/2″	x12	8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19mm
	1/2″	x7	1.27, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5mm
	1/4″	x1	
	1/4″	x1	
	1/4″	x1	
	1/2″	x1	Т70
	1/2″	x1	14mm
A 4		xЗ	PHO, PH1, PH2
*		xЗ	PZO, PZ1, PZ2
	1/4″	x4	3, 4, 5, 6mm
\ominus	1/4	x4	SL4, SL5.5, SL6.5, SL7
		x8	T8, T9, T10, T15, T20, T25, T27, T30
Ó	τĝî		T8, T9, T10, T15, T20, T25, T27, T30

	_			
Π	\bigcirc	8mm	x4	7, 8, 10, 12mm
4	\odot	6mm	х6	2, 2.5, 3, 4, 5, 6mm
	\ominus	8mm	xЗ	SL8, SL10, SL12
	Ŧ	8mm	xЗ	PH2, PH3, PH4
	×	8mm	xЗ	PZ2, PZ3, PZ4
	\sim	8mm	x5	T40, T45, T50, T55, T60
	\sim	6mm	xЗ	T5, T6, T7
	ŝ	8mm	x5	T40, T45, T50, T55, T60
	4	6mm	x1	T7
-	22	8mm	x4	M10, M11, M12, M13
	23	6mm	x5	M5, M6, M7, M8, M9
	~	8mm	x2	M10, M12
	~	6mm	xЗ	M5, M6, M8
	X	8mm	x1	TS50
	495	6mm	x8	TS10, TS15, TS20, TS25, TS27, TS30, TS40, TS45
	\diamond		x4	0, 1, 2, 3mm
	69	-	xЗ	6, 8, 10mm
	0	6mm	х4	4, 6, 8, 10mm
	$\langle \rangle \rangle$		xЗ	1, 2, 3mm
	\bigcirc		х4	1, 2, 3, 4mm
3		6mm	x1	1/4"



